

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu công tác quả phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 108/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS);

Căn cứ Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm;

Căn cứ Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định về chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1726 /TTr-SLĐTBXH ngày 16/7/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này "Đề án Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá".

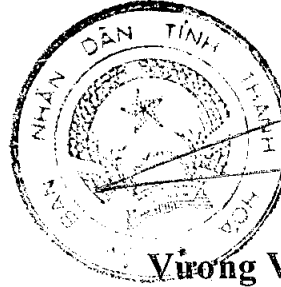
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Y tế, Công an tỉnh; Lãnh đạo các ngành thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ban, ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Ủy ban Quốc gia (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, VX. M30.
QD 34667

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Văn Việt

ĐỀ ÁN

Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phần thứ nhất SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH TỆ NẠN MA TUÝ, MẠI DÂM VÀ LÂY NHIỄM HIV/AIDS

1. Tình hình tội phạm ma túy và người nghiện ma túy a. Tội phạm ma túy

Tình hình hoạt động của tội phạm ma túy trên địa bàn Thanh Hoá vẫn diễn biến phức tạp. Nguồn ma túy thâm lậu vào Thanh Hoá chủ yếu qua tuyến biên giới Thanh Hoá - Hòa Phấn đi theo các đường tiểu mạch ở khu vực biên giới hoặc qua các tỉnh lân cận Sơn La, Hoà Bình vào Thanh Hoá. Các đối tượng buôn bán ma túy từ Lào và các tỉnh Sơn La, Hoà Bình câu kết chặt chẽ với các đối tượng người Thanh Hoá tổ chức thành các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy qua biên giới vào Thanh Hoá tiêu thụ hoặc vận chuyển qua Thanh Hoá đi các tỉnh khác. Từ đó các huyện miền núi được xác định là những địa bàn thâm lậu và chung chuyển ma túy.

Bên cạnh đó, các đường dây mua, bán vận chuyển chất ma túy tổng hợp thâm lậu vào Thanh Hoá chủ yếu từ Trung Quốc qua các tỉnh phía bắc như Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An. Thời gian gần đây xuất hiện một số điếm điều chế và tổ chức sử dụng ma túy tổng hợp trên địa bàn tỉnh.

Thủ đoạn của tội phạm ma túy rất tinh vi, xảo quyệt, chúng hình thành các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy với số lượng lớn và có tổ chức chặt chẽ, khép kín. Hoạt động của chúng manh động, liêu lĩnh và trang bị các loại vũ khí nóng sẵn sàng chống trả quyết liệt khi bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt giữ.

Tội phạm buôn bán nhỏ, lẻ ma túy để cung cấp cho người sử dụng vẫn chưa được kiểm soát và xử lý triệt để. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn một số các địa bàn phức tạp về buôn bán lẻ ma túy như: thành phố Thanh Hoá, thị xã Bỉm Sơn, Sầm Sơn, huyện Thọ Xuân, Hoàng Hoá, Quảng Xương, Tĩnh Gia, Bá Thước, Mường Lát, Quan Hoá.

b. Tình hình người nghiện ma túy

Số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý đến tháng 5/2013 là 5.395 người.

Người nghiện ma túy gồm nhiều thành phần như học sinh, sinh viên (6 người), cán bộ viên chức (7), công nhân (48 người), nông dân (568), lao động tự do (3480 người), không nghề (1.286 người). Đa số người nghiện ma túy ở trong độ tuổi lao động từ 18-30 tuổi. Người nghiện ma túy có ở 27/27 huyện, thị, thành phố và 459/637 xã, phường, thị trấn.

Số người nghiện ma túy tổng hợp dạng "đá" có xu hướng gia tăng, nhất là trong thanh, thiếu niên.

2. Tình hình tệ nạn mại dâm

Tình hình tệ nạn mại dâm trên địa bàn tỉnh vẫn đang tồn tại trá hình dưới nhiều hình thức tinh vi. Địa bàn diễn ra chủ yếu ở thành phố, khu vực ven đô thị, khu du lịch, khu kinh tế của tỉnh, đáng chú ý là đã có biểu hiện hoạt động mại dâm ở các thị trấn của một số huyện miền núi và vùng trung du trên địa bàn tỉnh.

Các đối tượng chủ chứa, môi giới câu kết với người bán dâm tạo thành đường dây "gái gọi". Các chủ chứa, môi giới thường không thu tiền của người mua dâm mà thông qua người bán dâm để ăn chia theo thoả thuận từ trước. Người bán dâm có nhiều thành phần nghề nghiệp và thường không đăng ký tạm trú tại địa bàn và không hoạt động bán dâm tại một chỗ cố định. Chúng sử dụng những phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện đi lại hiện đại và lợi dụng những kẽ hở của pháp luật với những âm mưu, thủ đoạn tinh vi gây nhiều khó khăn cho công tác kiểm tra, đấu tranh, xử lý.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 63 khách sạn, 325 nhà nghỉ, 1.140 nhà trọ, 92 nhà hàng, 01 vũ trường, 266 quán karaôkê, 02 quán ba, 282 quán cafe, 41 cơ sở massage, 211 cơ sở cắt tóc, gội đầu thư giãn. Đây là những môi trường dễ phát sinh tệ nạn mại dâm. Hiện có khoảng trên 1.000 nữ tiếp viên đang làm việc tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ nhạy cảm có nguy cơ cao hoạt động mại dâm, đa số nữ tiếp viên này trên danh nghĩa được ký hợp đồng lao động nhưng không được trả lương mà thu nhập của họ chủ yếu từ tiền "bo" của khách.

3. Tình hình lây nhiễm HIV/AIDS

Từ ca nhiễm đầu tiên phát hiện ở Thanh Hóa năm 1995 tại huyện Đông Sơn, lũy tích đến nay có 6.210 người nhiễm HIV, trong đó có 2.496 bệnh nhân AIDS, số người tử vong do AIDS là 1.013 người. Số người nhiễm HIV toàn tỉnh còn sống là 5.197 người, trong đó có 2.496 bệnh nhân AIDS.

Số người nhiễm HIV/AIDS đã lan tỏa trên cả 27/27 huyện, thị xã, thành phố và 553/637 xã, phường, thị trấn (chiếm 86,8% so với số xã, phường, thị trấn của tỉnh).

Các địa phương có số người nhiễm HIV/AIDS lũy tích được cao nhất là: thành phố Thanh Hóa 1.693 người; Quan Hóa 601 người; Thọ Xuân 424 người; Mường Lát 417 người. Hiện có 1.949 trong tổng số 2.496 bệnh nhân AIDS còn sống (78,1%) đang được điều trị tại 03 cơ sở khám và điều trị ngoại trú tuyến tỉnh và 06 cơ sở khám điều trị ngoại trú tuyến huyện.

Từ năm 2009 số phát hiện nhiễm mới, bệnh nhân AIDS và tử vong có xu hướng giảm dần. Tỷ lệ nhiễm HIV/dân số của toàn tỉnh là 0,15% (thấp hơn so với chỉ tiêu của toàn quốc là dưới 0,3% và chỉ tiêu chương trình hành động của tỉnh là dưới 0,25% vào năm 2010). Kết quả này là do tỉnh đã tập trung nhiều nguồn lực và đẩy mạnh các chương trình giảm hại trong thời gian qua.

4. Những hạn chế và nguyên nhân

Thực trạng tình hình tệ nạn ma túy, mại dâm và lây nhiễm HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh vẫn diễn biến phức tạp do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan và những yếu kém trong công tác triển khai thực hiện. Song tập trung vào những yếu kém và cũng là những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Do ảnh hưởng của tình hình tội phạm ma túy trên thế giới, khu vực và trong nước, nhất là tình hình tội phạm ma túy trên tuyến biên giới Thanh Hoá – Hủa-phăn (Lào) vẫn diễn biến phức tạp, số đối tượng phạm tội mua bán, vận chuyển ma túy vẫn chưa giảm. Nguồn ma túy thâm lậu từ bên ngoài vào địa bàn tiêu thụ còn rất lớn, số lượng ma túy thu giữ được ít hơn nhiều so với số lượng lưu hành trên thực tế. Tội phạm buôn bán nhỏ lẻ ma túy trên địa bàn tỉnh chưa được kiểm soát.

- Buôn bán ma túy, hoạt động mại dâm mang lại siêu lợi nhuận cho bọn tội phạm, nên chúng bất chấp pháp luật và dùng mọi thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt đối phó với cơ quan chức năng.

- Lao động vùng nông thôn dư thừa nhiều, nên hàng năm rất nhiều người từ các vùng quê đến các khu vực trung tâm kinh tế, du lịch để làm ăn kiếm sống trong số đó có một bộ phận bị lây nhiễm HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội, khi trở về địa phương làm gia tăng nguy cơ lây nhiễm HIV và tình hình phức tạp về tệ nạn xã hội ở cộng đồng.

- Cấp Ủy, chính quyền cơ sở mặc dù đã nhận thức được hiểm họa của ma túy, mại dâm và lây nhiễm HIV/AIDS, nhưng chưa thật sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt.

- Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông tuy có nhiều đổi mới nhưng chưa có chiều sâu, nhất là ở các thôn/bản vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hoạt động tuyên truyền vẫn còn mang nặng hình thức, thiếu chiều sâu, chưa thường xuyên, liên tục, chưa tạo được phong trào quần chúng rộng khắp. Chưa huy động được sự tham gia của toàn xã hội.

- Việc phối kết hợp lồng ghép các nội dung, chương trình phát triển kinh tế - xã hội với công tác phòng chống ma túy, mại dâm và phòng lây nhiễm HIV/AIDS chưa đồng bộ.

- Công tác phối hợp của các ngành chức năng và chính quyền địa phương để huy động sự tham gia của toàn xã hội trong đấu tranh với tội phạm ma túy, mại dâm, cai nghiện phục hồi còn nhiều hạn chế.

- Vấn đề kỳ thi tuy đã được cải thiện, song vẫn còn nặng nề, cản trở việc quản lý, cung cấp và tiếp cận các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS, phòng chống ma túy, mại dâm ở cộng đồng.

- Công tác cai nghiện phục hồi hiệu quả còn thấp. Người nghiện ma túy bản chất là bệnh của não bộ, có tính mãn tính và tái phát vì vậy để người nghiện từ bỏ được ma túy không chỉ đơn thuần là cai nghiện cắt cơn mà là phải điều trị lâu dài và thực hiện việc cung cấp các dịch vụ xã hội, tâm lý... và cải thiện được môi trường không có ma túy. Nhưng việc cung cấp các dịch vụ điều trị, chăm sóc sức khỏe, tư vấn pháp lý, học nghề, hướng nghiệp, tìm việc làm... để trợ giúp, hỗ trợ cho người nhiễm HIV, người nghiện ma túy, người bán dâm hòa nhập cộng đồng ở cơ sở còn rất thiếu và khả năng đáp ứng rất hạn chế (thiếu sự sẵn có). Công tác quản lý người nghiện ngoài xã hội, vẫn chưa được quan tâm, do vậy tình hình người nghiện ma túy vi phạm hình sự gây mất trật tự an toàn xã hội vẫn chưa giảm.

- Việc quản lý người nhiễm HIV trong cộng đồng gặp nhiều khó khăn, phần lớn không công ăn việc làm và thu nhập ổn định, vì vậy họ thường xuyên thay đổi địa điểm, nhiều đối tượng khi làm xét nghiệm không muốn công khai danh tính hoặc công khai danh tính không chính xác, đã làm gia tăng người nhiễm HIV ảo và gây khó khăn cho việc quản lý, cung cấp dịch vụ.

- Công tác xây dựng xã, phường lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm chưa được các huyện, thị xã, thành phố tập trung thực hiện một cách đồng bộ, có nhiều địa phương tuy đã triển khai nhưng còn mang tính hình thức, chưa thực sự quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện, nên kết quả thấp.

- Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhạy cảm và kiểm soát việc sản xuất, lưu hành văn hoá phẩm, băng đĩa có nội dung khiêu dâm, kích dục của các cơ quan chức năng còn nhiều hạn chế.

- Cán bộ thực hiện công tác phòng chống tệ nạn xã hội ở cơ sở vừa thiếu lại phải phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác, năng lực chuyên môn không chuyên sâu.

- Công tác kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo cơ sở theo sự phân công của Ban chỉ đạo tỉnh của một số ngành thành viên chưa thường xuyên và chưa có sự quan tâm đúng mức, thời gian dành cho công tác này chưa được nhiều, sự phối hợp thiếu đồng bộ.

- Chế độ thông tin báo cáo của các huyện thị, thành phố chưa đầy đủ, thiếu chính xác và chưa kịp thời, vì vậy việc tổng hợp phân tích, đánh giá cũng như đề xuất các biện pháp, giải pháp thực hiện nhiệm vụ là rất khó khăn.

- Do điều kiện kinh phí khó khăn nên hầu hết các địa phương không bố trí được kinh phí cho các hoạt động phòng chống ma túy, mại dâm và phòng lây nhiễm HIV/AIDS.

Từ thực trạng tình hình trên, tệ nạn ma túy, mại dâm và tình hình lây nhiễm HIV/AIDS đang tác động rất xấu đến mọi mặt của đời sống xã hội, đến

sức khỏe của nhân dân. Vì vậy trong thời gian tới cần phải tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy, mại dâm; phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS, nhằm từng bước hạn chế sự tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. QUAN ĐIỂM

1. Công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS là nhiệm vụ vừa khó khăn, phức tạp, lâu dài nhưng vừa cấp thiết, phải có sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đồng thời phải được đặt dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo, quản lý điều hành trực tiếp của các cấp chính quyền.

2. Phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các cấp, các ngành, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội. Nội dung công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS phải được lồng ghép với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thực hiện chính sách an sinh xã hội, chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng đời sống văn hóa ở cộng đồng dân cư...

3. Kết hợp chặt chẽ giữa phòng và chống, giữa giảm cung, giảm cầu và giảm tác hại, coi trọng công tác phòng, chống ma túy từ gia đình, tổ dân phố, khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan xí nghiệp, trường học, tập trung vào nhóm đối tượng có hành vi nguy cơ cao.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác phòng, chống ma túy, mại dâm, phòng, chống HIV/AIDS trên cơ sở huy động sự tham gia tích cực của các ngành, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên, các thành phần kinh tế, các tổ chức phi chính phủ và của các tầng lớp nhân dân.

5. Ngân sách nhà nước bảo đảm đầu tư các nguồn lực đối với công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS phù hợp với diễn biến tình hình, khả năng và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung đến 2015 và định hướng đến 2020

- Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, các cơ quan, đơn vị, cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân về tác hại và hậu quả của tệ nạn ma túy, mại dâm và HIV/AIDS. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Kiểm chế sự gia tăng của tội phạm ma túy, ngăn chặn có hiệu quả ma túy xâm nhập qua biên giới, khu vực giáp ranh; nâng cao tỷ lệ phát hiện bắt giữ, điều tra xử lý tội phạm về ma túy; xoá các điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy; tăng cường công tác quản lý, kiểm soát tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép ma túy, kiên quyết không để xảy ra hoạt động sản xuất ma túy và trồng cây có chất ma túy.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác dự phòng và điều trị nghiện, góp phần giảm tác hại của nghiện ma túy, kiểm chế sự gia tăng số người nghiện mới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2013 – 2015

a. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy.

- Nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, bắt giữ, điều tra xử lý các vụ án ma túy, chú trọng các vụ án ma túy trên tuyến biên giới, khu vực giáp ranh, các vụ vận chuyển ma túy với số lượng lớn, số người tham gia đông; phấn đấu hàng năm số vụ phát hiện, bắt giữ tăng 10% so với năm trước.

- Xoá bỏ cơ bản các tổ chức mua bán, vận chuyển, tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy, các điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy trên địa bàn toàn tỉnh; kiên quyết không để xảy ra tội phạm ma túy hoạt động công khai trấn trợn gây bức xúc trong nhân dân.

- Phấn đấu hàng năm giảm ít nhất 10% số xã, phường, thị trấn có tệ nạn ma túy, đến năm 2015 đạt 60% số xã, phường, thị trấn và 80% cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, trường học không có tệ nạn ma túy.

- Không để tái trồng cây có chứa chất ma túy, chủ yếu là cây thuốc phiện và cây cần sa; phát hiện triệt phá 100% diện tích cây thuốc phiện và cây cần sa trồng trái phép.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh hợp pháp các loại tiền chất, chất gây nghiện, chất hướng thần; không để sản xuất trái phép ma túy tổng hợp trên địa bàn toàn tỉnh.

b. Công tác cai nghiện.

- Nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và các tầng lớp nhân dân về dự phòng và điều trị nghiện ma túy, phấn đấu 80% cán bộ chính quyền các cấp và 60% người dân ở độ tuổi trưởng thành hiểu biết cơ bản về nghiện ma túy, các biện pháp, mô hình dự phòng và điều trị nghiện.

- Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác dự phòng và điều trị nghiện, phấn đấu 80% cán bộ tham gia công tác dự phòng và điều trị nghiện được đào tạo kiến thức cơ bản về điều trị nghiện; 50% cán bộ làm công tác tư vấn về dự phòng và điều trị nghiện được đào tạo và cấp chứng chỉ; 100% cán bộ y tế công tác tại các cơ sở điều trị nghiện có đầy đủ văn bằng chứng chỉ theo quy định về điều trị nghiện.

- Tổ chức cai nghiện cho ít nhất 50% người nghiện có hồ sơ quản lý, theo hướng tăng cường công tác cai nghiện tại cộng đồng.

c. Công tác phòng, chống mại dâm

- Đảm bảo 100% xã, phường tổ chức tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp về phòng, chống tệ nạn mại dâm như: tuyên truyền tác hại của tệ nạn mại dâm; tuyên truyền hành vi tình dục lành mạnh, an toàn, phòng ngừa lây nhiễm HIV và các bệnh lây qua đường tình dục... nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong công tác phòng, chống mại dâm.

- Đấu tranh, triệt phá các đường dây, ổ nhóm hoạt động mại dâm và xử lý nghiêm minh theo pháp luật 100% số vụ việc, đường dây, đối tượng hoạt động mại dâm được phát hiện; không để phát sinh tụ điểm mại dâm; giảm 80-90% số cơ sở kinh doanh dịch vụ (khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, vũ trường, cơ sở karaoke...) hoạt động mại dâm trá hình dưới mọi hình thức; ngăn chặn, giảm tối đa đối tượng tham gia hoạt động mại dâm, nhất là trẻ em, người chưa thành niên.

- Các huyện, thị xã, thành phố trọng điểm xây dựng được các mô hình hỗ trợ, giảm tổn thương và phòng, chống lây nhiễm HIV; mô hình hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm.

- Đảm bảo 100% cán bộ trực tiếp làm công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được tập huấn, nâng cao năng lực về tổ chức điều hành, phối hợp liên ngành và giám sát, đánh giá trong công tác phòng, chống mại dâm.

- Giảm 40% xã, phường, thị trấn trọng điểm về tệ nạn mại dâm; 60% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn lành mạnh không có tệ nạn mại dâm; duy trì số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn lành mạnh không có mại dâm.

d. Công tác phòng, chống HIV/AIDS

- Tăng tỷ lệ người dân trong độ tuổi 15-49 tuổi có hiểu biết đầy đủ về HIV/AIDS đạt 80% vào năm 2015.

- Tăng tỷ lệ người dân không kỳ thị phân biệt đối xử với người nhiễm HIV đạt 80% vào năm 2015.

- Giảm 50% số trường hợp nhiễm mới HIV trong nhóm nghiện chích ma túy vào năm 2015 so với năm 2010;

- Giảm 50% số trường hợp nhiễm mới HIV do lây qua đường tình dục vào năm 2015.

- Giảm tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con xuống dưới 5% vào năm 2015.

2.2. Định hướng đến năm 2020:

- Trên cơ sở tổng kết đánh giá thực hiện các mục tiêu cụ thể đến năm 2015, xác định các nhiệm vụ trọng tâm để tập trung đầu tư nguồn lực, tiến hành đồng bộ các giải pháp nhằm củng cố, duy trì các mục tiêu đã đạt được và hướng tới đẩy lùi tệ nạn ma túy, mại dâm và lây nhiễm HIV/AIDS tạo môi trường xã hội lành mạnh phục vụ cho kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tập trung tuyên truyền có hiệu quả, chủ động phòng ngừa, kiểm chế tốc độ gia tăng người nghiện, tiến tới ngăn chặn phát sinh người nghiện mới. Tăng số xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy, mại dâm thu hẹp dần xã, phường, thị trấn có tệ nạn ma túy, mại dâm.

- Chủ động phòng ngừa, phát hiện, kiên quyết đấu tranh triệt phá các tụ điểm, ổ nhóm, đường dây mại dâm và các đường dây, băng nhóm hoạt động tội phạm về ma túy. Xóa bỏ tận gốc không để hình thành, phát sinh mới các điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy, mại dâm.

- Không chế tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư dưới 0,25% vào năm 2020, giảm tác động của HIV/AIDS đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng tỷ lệ người nhiễm HIV được điều trị thuốc kháng vi rút HIV đạt 85% trên tổng số người nhiễm HIV đủ tiêu chuẩn điều trị vào năm 2020.

- Hướng tới ứng dụng các kỹ thuật mới có tính đặc hiệu cao để dự phòng, điều trị HIV/AIDS, can thiệp chủ động, toàn diện, nâng cao chất lượng và đảm bảo tính bền vững của công tác phòng, chống HIV/AIDS.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức, nội dung phù hợp với từng địa bàn, từng đối tượng kết hợp giữa tuyên truyền các chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS với tác hại, hậu quả của tệ nạn ma túy, mại dâm, HIV/AIDS và các biện pháp phòng, chống đến từng người dân và hộ gia đình.

- Xây dựng bộ công cụ truyền thông về tác hại của tệ nạn ma túy, mại dâm, HIV/AIDS (sách mỏng, tờ rơi, tranh áp phích, sổ tay cho tuyên truyền viên, lịch và các phóng sự, phim...).

- Thường xuyên tổ chức tổng kết đánh giá, đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục về phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm, HIV/AIDS; tổng kết kinh nghiệm các mô hình, điển hình về phòng, chống tệ nạn xã hội có hiệu quả để nhân ra diện rộng.

2. Công tác phòng, chống ma túy

a, Công tác đấu tranh phòng, chống ma túy

- Thường xuyên rà soát, kịp thời phát hiện, triệt xóa cây trồng có chứa chất ma túy, kết hợp đẩy mạnh các biện pháp phòng ngừa không để xảy ra tình trạng trồng cây có chứa chất ma túy.

- Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy để phòng ngừa có hiệu quả việc sử dụng các chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần hợp pháp vào các hoạt động phạm tội ma túy.

- Chủ động nắm tình hình, tổ chức đấu tranh và triệt xóa cơ bản các đường dây, tổ chức, tụ điểm phức tạp về ma túy; ngăn chặn có hiệu quả tình trạng thâm lậu ma túy qua biên giới và sản xuất trái phép ma túy trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các cam kết và tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh.

b, Công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện

- Quản lý chặt chẽ người nghiện ma túy; tổ chức cho tất cả người nghiện ma túy được khai báo tình trạng nghiện và đăng ký hình thức điều trị, cai nghiện phù hợp; áp dụng các biện pháp quản lý, giáo dục người nghiện ma túy và tổ chức dạy nghề, tạo việc làm cho các đối tượng sau cai nghiện; thực hiện có hiệu quả công tác quản lý sau cai nghiện và phòng ngừa tái nghiện. Huy động nguồn lực tại chỗ để hỗ trợ người nghiện, người sau cai nghiện; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia dạy nghề, giải quyết việc làm cho người cai nghiện và sau cai nghiện, lồng ghép công tác cai nghiện và quản lý sau cai với các chương trình kinh tế - xã hội khác như giảm nghèo, dạy nghề, giải quyết việc làm...

- Đổi mới công tác điều trị cho người nghiện ma túy theo hướng tập trung ở cộng đồng, gia đình để cung cấp các dịch vụ điều trị, chăm sóc sức khỏe, tinh thần, tư vấn nâng cao nhận thức hiểu biết về pháp luật, tác hại của ma túy, học nghề tự tìm việc làm, gắn trách nhiệm của gia đình, cộng đồng trong việc quản lý, giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện và quản lý sau cai nghiện.

- Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện tại Trung tâm theo hướng "chữa bệnh, thân thiện" chú trọng cung cấp đầy đủ các dịch vụ điều trị, tư vấn, chăm sóc sức khỏe, học nghề, tìm việc làm...

- Mở rộng các cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone nhằm giảm thiểu tác hại do ma túy gây ra.

- Thành lập các điểm tư vấn, chăm sóc hỗ trợ điều trị nghiện tại cộng đồng nhằm huy động các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ, giúp đỡ người nghiện, giúp họ nâng cao nhận thức, tuân thủ việc điều trị lâu dài tại cộng đồng.

- Triển khai thực hiện đầy đủ các phương pháp điều trị nghiện nhằm điều trị toàn diện, lâu dài với phương pháp phù hợp với từng người bệnh.

3. Công tác phòng, chống mại dâm

- Tổ chức quản lý, kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhạy cảm thực hiện tốt cam kết không vi phạm hoặc để tệ nạn mại dâm lợi dụng hoạt động.

- Nâng cao kết quả, hiệu quả công tác đấu tranh triệt phá các tụ điểm, ổ nhóm, đường dây mại dâm; công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án liên quan đến mại dâm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đúng người, đúng tội tránh để oan, sai đặc biệt xử lý nghiêm đối với cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến hoạt động mại dâm;

- Thành lập Đội Kiểm tra Liên ngành Phòng, chống mại dâm theo Nghị định 178/2004/NĐ-CP ngày 15/10/2004 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm.

Tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực về công tác thanh tra, kiểm tra cho thành viên của đội Kiểm tra liên ngành cấp huyện trong việc tổ chức kiểm tra hoạt động của các cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn mại dâm.

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng mô hình phòng ngừa mại dâm tại các xã, phường, thị trấn trọng điểm; tổ chức tổng kết và tiến hành nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

- Hình thành các điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn khám chữa bệnh, tư vấn pháp luật, định hướng nghề, học nghề và giới thiệu việc làm cho người bán dâm; tổ chức khám và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục cho người bán dâm, đối tượng có nguy cơ cao.

- Lồng ghép các chương trình an sinh xã hội, các dịch vụ phòng ngừa để hỗ trợ người bán dâm và nạn nhân bị buôn bán trở về, trang bị kiến thức, kỹ năng sống, kỹ năng xã hội cũng như kỹ năng nghề nghiệp để họ tái hoà nhập cộng đồng bền vững.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng xã, phường lành mạnh không có tệ nạn mại dâm gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", "Xây dựng gia đình văn hoá, khu phố, làng bản văn hoá".

- Hàng năm các huyện, thị xã, thành phố tiến hành tổ chức chấm điểm, đánh giá, phân loại, đồng thời đăng ký xây dựng xã phường trong sạch lành mạnh không có tệ nạn mại dâm, đảm bảo 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn phải được phân loại, đánh giá và chấm điểm.

- Tổ chức duy trì và nhân rộng mới mô hình "Thí điểm xây dựng xã, phường phòng ngừa, ngăn chặn phát sinh mới tệ nạn ma túy, mại dâm"

4. Công tác phòng, chống HIV/AIDS

Tổ chức công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS tới mọi đối tượng; trong đó phải kết hợp tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống HIV/AIDS với tuyên truyền về tác hại, hậu quả và các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS.

Huy động mọi nguồn lực và sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, mỗi người dân và cộng đồng vào các hoạt động phòng chống HIV/AIDS.

Triển khai đồng bộ và hiệu quả các biện pháp chuyên môn, kỹ thuật y tế: Điều trị bằng thuốc kháng vi rút (ARV), dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, tư vấn xét nghiệm tự nguyện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế... nhằm hạn chế đến mức tối đa sự lây truyền HIV.

Cam kết quản lý và tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống HIV/AIDS tại Thanh Hóa.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

A. GIẢI PHÁP CHUNG

1. Nhóm giải pháp chính trị, xã hội

1.1. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền trong công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống ma túy nhất là Chỉ thị số 21/CT-TW ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị; Chỉ thị 54-CT/TW ngày 31/11/2005 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống HIV/AIDS trong tình hình mới và Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 02/01/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về việc “Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác phòng, chống ma túy trong tình hình mới”. Phát huy vai trò trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền và tinh thần gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS; cụ thể hóa trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong công tác phòng, chống ma túy, đặc biệt là ở cấp cơ sở xã, phường, thị trấn, khu dân cư; coi công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS là tiêu chí để đánh giá hiệu quả, chất lượng hoạt động của cấp ủy Đảng, chính quyền và tổ chức chính trị - xã hội, đưa công tác này trở thành một trong những nhiệm vụ ưu tiên, gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng địa phương; các cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên xuyên đôn đốc, kiểm tra nghe báo cáo và có ý kiến chỉ đạo đối với công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS ở đơn vị, địa phương.

1.2. Tăng cường thực hiện chức năng giám sát công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS của Hội đồng nhân dân các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội thông qua các đợt kiểm tra, giám sát tại địa phương và báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS tại các kỳ họp; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách pháp luật để kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

1.3. Tăng cường phối hợp liên ngành trong công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS, nâng cao hiệu quả thực hiện kế hoạch liên tịch giữa cơ quan nhà nước các cấp với các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn về phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng lây nhiễm HIV/AIDS.

1.4. Chú trọng xây dựng và nhân rộng các mô hình xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị không có tội phạm ma túy và người nghiện ma túy; kết hợp thực hiện nội dung “Xây dựng xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy mại dâm” với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Đẩy mạnh phong trào toàn dân phát hiện, tố giác tội phạm ma túy và người sử dụng ma túy.

2. Nhóm giải pháp về thông tin tuyên truyền phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS

2.1. Thực hiện xã hội hóa công tác tuyên truyền; phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống cơ quan thông tin, tuyên truyền, tổ chức chính trị, xã hội các cấp với công tác tuyên truyền; thường xuyên đổi mới nội dung, triển khai đồng bộ các loại hình thông tin tuyên truyền, duy trì, phát huy các loại hình tuyên truyền hiệu quả.

2.2. Tăng cường tuyên truyền bề rộng, đẩy mạnh tuyên truyền chiều sâu, phát huy hiệu quả tuyên truyền bằng tiếp cận trực tiếp; chú trọng lồng ghép các nội dung tuyên truyền về phòng, chống ma túy với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao và du lịch.

2.3. Tập trung tuyên truyền cho số người có nguy cơ mắc nghiện cao ở cộng đồng, học sinh trong trường học, cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh dịch vụ, người đang cai nghiện trong các Trung tâm.

2.4. Tăng cường công tác quản lý các hoạt động dịch vụ văn hóa giải trí, ngăn chặn không để phát sinh tệ nạn ma túy.

3. Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực quản lý, giám sát và đánh giá

Tiếp tục kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống ma túy, mại dâm từ tỉnh đến các địa phương phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thành lập mạng lưới Đội xã hội tình nguyện cấp xã, đồng thời tổ chức tập huấn trang bị kiến thức, kỹ năng về công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS cho các tình nguyện viên.

Tăng cường biên chế, bố trí đủ cán bộ và chuẩn hóa về tổ chức bộ máy làm công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS cho cơ quan chuyên trách phòng chống tệ nạn xã hội ở cấp tỉnh, ở Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động - Xã hội và các huyện, thị xã, thành phố.

Nâng cao năng lực trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS các cấp đáp ứng yêu cầu đòi hỏi trong việc thu thập, quản lý, xử lý thông tin, thống kê và công bố số liệu, báo cáo về tình hình tệ nạn ma túy, mại dâm, lây nhiễm HIV/AIDS; xây dựng, thực hiện và quản lý các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS, huy động nguồn lực.

Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác phòng chống HIV/AIDS, phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm về kỹ năng giám sát, đánh giá và hướng dẫn thực hiện cho cơ sở.

4. Nhóm giải pháp về huy động nguồn lực

4.1. Huy động các nguồn lực cho công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS từ các nguồn Trung ương, địa phương, các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong đó ưu tiên đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh, bảo đảm đủ nguồn lực cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án. Tỉnh tạo cơ chế, chính sách khuyến khích các

huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, các thành phần kinh tế và các cá nhân đầu tư nguồn lực cho công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS.

4.2. Tăng cường quản lý, giám sát và sử dụng có hiệu quả tất cả các nguồn kinh phí đầu tư cho công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS; chủ động phân cấp quản lý ngân sách phục vụ công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS.

4.3. Các Sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố chú trọng việc lồng ghép thực hiện Đề án vào các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội khác; các địa phương chủ động huy động và bố trí thêm nguồn lực từ ngân sách địa phương và nguồn lực xã hội hóa công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng, chống HIV/AIDS.

B. GIẢI PHÁP CỤ THỂ CHO TỪNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Các giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống ma túy

1.1. Công tác đấu tranh trấn áp tội phạm ma túy.

- Tiến hành điều tra cơ bản các tuyến, địa bàn để xác định tuyến, địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, các điểm, tụ điểm ma túy để tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền có kế hoạch giải quyết, xoá các điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy.

- Điều tra, lập hồ sơ quản lý chặt chẽ các đối tượng mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy nhất là các tổ chức đường dây mua bán, vận chuyển, tổ chức sử dụng, tổ chức sản xuất trái phép các chất ma túy để lập án đấu tranh.

- Lập án đấu tranh với các đường dây mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy với số lượng lớn, các đường dây sản xuất ma túy; triệt xoá các cơ sở lợi dụng kinh doanh khách sạn, nhà hàng, vũ trường để tổ chức sử dụng trái phép ma túy tổng hợp.

- Thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm ma túy, triệt xoá các tụ điểm, các điểm mua bán lẻ và các tụ điểm phức tạp về ma túy; tập trung ở địa bàn thành phố Thanh Hoá, các huyện, thị xã trọng điểm và trên tuyến biên giới Thanh Hoá-Hủa Phấn.

- Phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân các cấp tập trung điều tra mở rộng các vụ án ma túy lớn, điển hình nhằm rút ra được các phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm về ma túy để làm bài học phục vụ cho công tác đấu tranh, ngăn chặn tội phạm về ma túy trong thời gian tới.

- Phối hợp với các ngành chức năng quản lý chặt chẽ các loại tiền chất không để đối tượng lợi dụng để sản xuất ma túy.

- Các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội từ tỉnh đến cơ sở chỉ đạo xây dựng các mô hình phòng, chống ma túy trong từng ngành, đoàn thể mình; kịp thời biểu dương, khen thưởng các cá nhân, mô hình, điển hình tiên tiến trong

công tác phòng, chống ma túy để nhân rộng tạo thành phong trào quần chúng phòng chống ma túy rộng rãi, rộng khắp trong toàn xã hội.

- Các ngành Công an, Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các quy chế phối hợp liên ngành đã ký kết trong phòng, chống ma túy trên tuyến biên giới, cửa khẩu và trên biển.

1.2. Công tác ngăn chặn, triệt xóa cây thuốc phiện và hỗ trợ chuyển đổi cây trồng

- Cấp ủy Đảng, chính quyền, Ban chỉ đạo phòng, chống HIV/AIDS và phòng chống ma túy, mại dâm các cấp thường xuyên phổ biến, tuyên truyền, giáo dục Pháp luật phòng, chống ma túy, nhất là các xã biên giới, đặc biệt là trong đồng bào dân tộc thiểu số, vận động đồng bào vùng sâu, vùng xa không tái trồng cây thuốc phiện; Tổ chức cho nhân dân vùng có nguy cơ trồng cây thuốc phiện ký cam kết không trồng cây có chứa chất ma túy; phát hiện, tố giác việc trồng cây có chứa chất ma túy.

- Ưu tiên triển khai các dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội điện, đường, trường, trạm; các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với vùng miền núi; quan tâm phát triển các dịch vụ tiêu thụ sản phẩm cây trồng, vật nuôi của đồng bào nhằm khuyến khích phát triển sản xuất, từng bước khắc phục khó khăn cho đồng bào để họ tự nguyện từ bỏ tái trồng cây thuốc phiện.

- Thành lập các Tổ kiểm tra liên ngành do lực lượng Bộ đội Biên phòng, Công an làm nòng cốt để tăng cường kiểm tra việc tái trồng cây thuốc phiện theo mùa vụ, kiên quyết xử lý nghiêm những người tái trồng cây thuốc phiện.

1.3. Tăng cường lực lượng, phương tiện cho cơ quan phòng, chống ma túy

- Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác Thường trực, tham mưu về phòng, chống ma túy đủ mạnh, có năng lực trách nhiệm trong phòng chống ma túy.

- Tăng cường lực lượng, phương tiện cho lực lượng chuyên trách phòng chống ma túy của Công an, Biên phòng, Hải quan từ tỉnh đến huyện và các đồn Biên phòng trên tuyến biên giới Thanh Hoá- Hòa Phấn.

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ phòng, chống ma túy, công tác cai nghiện chữa trị và quản lý sau cai nghiện.

- Đầu tư trang bị, phương tiện, thiết bị, công cụ hỗ trợ hiện đại cho lực lượng phòng chống ma túy.

- Đảm bảo các điều kiện kinh phí về vật chất, ưu tiên chính sách đối với lực lượng trực tiếp chiến đấu.

1.4. Công tác hợp tác quốc tế về phòng, chống và kiểm soát ma túy

- Các huyện biên giới của hai tỉnh Thanh Hoá, Hà Tĩnh thường xuyên tổ chức giao ban định kỳ, đột xuất giữa các huyện, xã biên giới để kịp thời trao đổi thông tin, kinh nghiệm, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực giáp ranh và khu vực biên giới từ đó đề ra chương trình phối hợp trong phòng, chống tội phạm.

- Lực lượng Công an, Hải quan, Bộ đội Biên phòng phối hợp chặt chẽ với UBKSMT và các huyện, bản giáp ranh giữa hai tỉnh Thanh Hoá, Hà Tĩnh tổ chức giao ban trao đổi thông tin về tình hình tội phạm ma túy, người nghiện ma túy, tình hình tái trồng cây có chứa chất ma túy, các điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy ở khu vực giáp ranh và khu vực biên giới từ đó có kế hoạch phối hợp đấu tranh, triệt xoá.

- Các lực lượng chức năng Công an, Hải quan, Bộ đội Biên phòng phối hợp với UBKSMT với tỉnh Hà Tĩnh tiến hành khảo sát cơ bản tuyến biên giới, phối hợp lập án đấu tranh, truy bắt các đối tượng truy nã, trốn thi hành án. Có kế hoạch phối hợp lực lượng kiểm tra, triệt xoá cây thuốc phiện trên tuyến biên giới hai nước, hỗ trợ các điều kiện về phương tiện, kinh phí cho lực lượng phòng, chống ma túy tỉnh Hà Tĩnh.

- Duy trì phối hợp công tác giao ban phòng, chống ma túy giữa các huyện biên giới của Thanh Hoá - Hà Tĩnh; tổ chức luân phiên giao ban công tác phối hợp và phòng chống ma túy qua biên giới giữa 8 tỉnh Thanh Hoá - Sơn La - Nghệ An - Điện Biên - Hà Tĩnh - Lào Cai - Yên Bái - Lào - Xiêng Khoảng (Lào).

2. Nâng cao hiệu quả công tác điều trị nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện cho người nghiện ma túy

2.1. Đổi mới quản lý và điều trị nghiện ma túy

- Thực hiện đa dạng hóa các biện pháp và mô hình điều trị bao gồm điều trị tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và điều trị bắt buộc tại Trung tâm theo hướng tăng dần tiến tới điều trị tại cộng đồng và gia đình là chủ yếu, giảm dần điều trị bắt buộc tại các Trung tâm với lộ trình phù hợp. Tạo điều kiện cho người nghiện dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ điều trị thích hợp tại cộng đồng, điều trị bắt buộc chỉ áp dụng cho người nghiện ma túy có hành vi ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội theo quyết định của tòa án.

2.2. Tăng cường sự phối hợp liên ngành và huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự tham gia của cả hệ thống chính trị đối với công tác dự phòng và điều trị nghiện.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch liên ngành để triển khai công tác tư vấn dự phòng và điều trị nghiện, lồng ghép, phối hợp hiệu quả giữa các dịch vụ về phòng, chống HIV/AIDS; dịch vụ chăm sóc sức khỏe; dịch vụ hỗ trợ dạy nghề, vay vốn, tạo việc làm với dịch vụ tư vấn dự phòng và điều trị nghiện ma túy.

2.3. Huy động sự tham gia của cộng đồng, khuyến khích xã hội hóa công tác điều trị nghiện

- Khuyến khích các tổ chức phi chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và các cá nhân tham gia đầu tư, thành lập các cơ sở tư vấn dự phòng và điều trị nghiện ma túy tự nguyện.

- Khuyến khích Đội công tác xã hội tình nguyện, các tổ chức tôn giáo, các câu lạc bộ, nhóm giáo dục đồng đẳng, các cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia hỗ trợ giúp đỡ người sử dụng ma túy tham gia Chương trình dự phòng và điều trị nghiện ma túy.

2.4. Tăng cường hỗ trợ đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước

- Tăng cường hỗ trợ đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác chữa bệnh, dạy nghề cho các học viên cai nghiện tại Trung tâm. Đưa Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động số 2 đang xây dựng tại huyện Quan Hoá vào hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu điều trị nghiện ma túy.

- Có chính sách hỗ trợ người có công với Cách mạng, người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn để họ có điều kiện tiếp cận với dịch vụ về dự phòng và điều trị nghiện ma túy.

2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trong công tác điều trị nghiện, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của người bệnh, đặc biệt kiểm tra giám sát tại các cơ sở điều trị nghiện bắt buộc.

2.6 Tăng cường hợp tác quốc tế

Củng cố và tăng cường hợp tác quốc tế, nhằm tranh thủ sự hỗ trợ về chuyên môn, kỹ thuật và tài chính cho công tác điều trị nghiện ma túy.

3. Công tác phòng, chống mại dâm

3.1. Từng bước xã hội hóa công tác phòng, chống mại dâm, huy động sự tham gia của các tổ chức và các cá nhân trong công tác này. Thu hút sự hỗ trợ của các tổ chức Quốc tế, các tổ chức xã hội khác tham gia các hoạt động hỗ trợ phòng ngừa, giảm hại, giảm phân biệt đối xử, hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm.

3.2. Tăng cường công tác phối hợp quốc tế đặc biệt là các địa phương có chung đường biên giới quốc gia với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong phòng, chống mua bán người vì mục đích mại dâm và các tỉnh bạn như Sơn La, Hoà Bình, Ninh Bình và Nghệ An.

3.3. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về cấp, tạm ngừng cấp; thu hồi, tịch thu giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với những cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng hoạt động mại dâm;

3.4. Tăng cường phát hiện, đấu tranh, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống tệ nạn mại dâm. Phát huy vai trò giám sát của các tổ chức đoàn thể trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và ở địa

phương trong việc phát hiện, đấu tranh và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống tệ nạn mại dâm.

3.5. Nhân rộng các mô hình trợ giúp người bán dâm tiếp cận các dịch vụ xã hội (giáo dục, dạy nghề, chăm sóc sức khỏe, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS, tạo cho họ các cơ hội thay đổi cuộc sống, hòa nhập cộng đồng xã hội. Lồng ghép việc thực hiện các chương trình, chính sách an sinh xã hội với các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tạo nhiều cơ hội tiếp cận với các dịch vụ trợ giúp cho phụ nữ, trẻ em gái, các hộ gia đình nhằm phòng ngừa các nguy cơ liên quan đến tệ nạn mại dâm.

4. Công tác phòng, chống HIV/AIDS

4.1. Về dự phòng lây nhiễm HIV

a, Đổi mới, mở rộng, nâng cao chất lượng công tác thông tin, giáo dục và truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS:

Đa dạng hóa về nội dung, phương thức thực hiện thông tin giáo dục truyền thông đảm bảo tính thân thiện, có chất lượng, phù hợp với từng nhóm đối tượng, trình độ, ngôn ngữ, phong tục tập quán của từng vùng miền; Chú trọng đến truyền thông cho những người dễ bị lây nhiễm HIV, người trong độ tuổi sinh đẻ, học sinh, sinh viên, đồng bào vùng sâu, vùng xa. Lồng ghép nội dung truyền thông giáo dục về phòng, chống HIV/AIDS với tuyên truyền nâng cao nhận thức về giới, sức khỏe tình dục, sức khỏe sinh sản và các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể thao và du lịch.

Kết hợp giữa truyền thông đại chúng với truyền thông trực tiếp, chú trọng và phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống thông tin, truyền thông, các ban, ngành, đoàn thể; Đồng thời vận động lãnh đạo các cấp ủy đảng, chính quyền; trưởng thôn, trưởng phố; già làng, trưởng bản, người cao tuổi, người có uy tín trong cộng đồng, người nhiễm HIV tham gia công tác tuyên truyền về phòng, chống HIV/AIDS.

b, Mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV cho nhóm dễ bị lây nhiễm HIV:

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của chương trình cung cấp và hướng dẫn sử dụng bơm kim tiêm sạch, chương trình khuyến khích sử dụng bao cao su thực hiện tiêm chích và tình dục an toàn.

Xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về việc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. Thực hiện lồng ghép các hoạt động can thiệp với các mô hình cai nghiện dựa vào cộng đồng, các mô hình quản lý sau cai.

Tiếp tục triển khai và từng bước mở rộng phạm vi khám và điều trị các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục, chú trọng việc lồng ghép tư vấn, khám và điều trị các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục với khám sức khỏe định kỳ. Tổ chức thực hiện điều trị dự phòng phơi nhiễm với HIV;

áp dụng các mô hình, biện pháp dự phòng phổ cập theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

c, Nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, xét nghiệm HIV và các hoạt động dự phòng lây nhiễm HIV khác:

Tăng cường đào tạo nâng cao kỹ năng tư vấn, xét nghiệm cho đội ngũ cán bộ làm công tác xét nghiệm ở các tuyến. Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật, sinh phẩm phục vụ công tác xét nghiệm HIV/AIDS. Đa dạng hóa dịch vụ tư vấn và xét nghiệm HIV, trong đó chú trọng việc triển khai xét nghiệm sàng lọc HIV tại cộng đồng; chuyển gửi người xét nghiệm HIV dương tính tiếp cận với chương trình chăm sóc, điều trị. Tăng cường giám sát việc dự phòng lây nhiễm HIV qua các dịch vụ xã hội và y tế; đào tạo tập huấn cho nhân viên y tế về dự phòng phổ cập trong các dịch vụ y tế; cung cấp thông tin về dự phòng phổ cập trong các dịch vụ xã hội.

4.2. Về điều trị, chăm sóc người nhiễm HIV

a, Mở rộng phạm vi dịch vụ chăm sóc và điều trị:

Bảo đảm tính sẵn có, liên tục và dễ tiếp cận của dịch vụ điều trị bằng thuốc kháng vi rút HIV, điều trị nhiễm trùng cơ hội, điều trị Lao cho người nhiễm HIV. Tổ chức điều trị tại các Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, trại giam, trại tạm giam; phát triển hệ thống chăm sóc tại cộng đồng của người nhiễm HIV, các tổ chức xã hội và các tổ chức khác. Triển khai việc tư vấn và xét nghiệm HIV cho phụ nữ có thai tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn; Tổ chức tốt "Tháng cao điểm dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con" từ tỉnh đến xã phường; tiến tới điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con ở tuyến y tế cơ sở, lồng ghép với các chương trình y tế khác.

b, Nâng cao chất lượng các dịch vụ điều trị:

Mở rộng và nâng cao chất lượng hệ thống xét nghiệm phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị HIV/AIDS. Tăng cường quảng bá, bảo đảm tính sẵn có, tính dễ tiếp cận với thuốc kháng vi rút HIV. Ứng dụng các mô hình điều trị cho người nhiễm HIV và các biện pháp giảm chi phí điều trị và tăng hiệu quả điều trị bằng thuốc kháng vi rút HIV.

Phối hợp, lồng ghép điều trị HIV/AIDS với các dịch vụ điều trị, chăm sóc ở cộng đồng; với y tế cơ sở trong và ngoài công lập để tạo chuỗi dịch vụ liên tục chăm sóc toàn diện và có chất lượng.

4.3. Về giám sát dịch HIV/AIDS, theo dõi và đánh giá

Củng cố và kiện toàn hệ thống giám sát, theo dõi và đánh giá chương trình phòng chống HIV/AIDS đảm bảo tính thống nhất và có tính đa ngành từ tỉnh đến cơ sở. Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ các đơn vị giám sát, theo dõi và đánh giá tuyến tỉnh và huyện. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống quản lý thông tin đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời; Nâng cao chất lượng số liệu giám sát dịch HIV/AIDS, số liệu đánh giá các chương trình can thiệp phòng, chống HIV/AIDS. Thường xuyên phân

tích, đánh giá diễn biến dịch HIV/AIDS, các yếu tố có liên quan và hiệu quả các hoạt động của chương trình và xác định các lĩnh vực can thiệp ưu tiên ở từng địa phương trong tỉnh.

4.4. Về hợp tác quốc tế

Củng cố và tăng cường hợp tác quốc tế để tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật và năng lực quản lý cho công tác phòng, chống HIV/AIDS. Phối hợp chặt chẽ với tỉnh Hủa Phăn - Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong việc chia sẻ thông tin và triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS qua biên giới.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

- Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy, Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống HIV/AIDS; Chương trình phòng, chống mại dâm; nguồn đảm bảo xã hội của các địa phương, kinh phí viện trợ của các tổ chức quốc tế và kinh phí huy động đóng góp của người bệnh. .

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán đối với kinh phí của đề án, thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.

Tổng Dự kiến kinh phí thực hiện Đề án là: 580.923.800.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí địa phương: 251.687.800.000 đồng
- Kinh phí đề nghị trung ương hỗ trợ: 105.000.000.000 đồng
- Kinh phí đóng góp của người tham gia điều trị: 224.236.000.000 đồng

(Có Phụ lục dự toán kinh phí kèm theo)

II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: Chủ trì phối hợp với các ngành thành viên Ban chỉ đạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết tổ chức triển khai thực hiện Đề án. Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai và kết quả thực hiện Đề án.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức, và quản lý công tác cai nghiện, giáo dục, dạy nghề cho người nghiện ma túy; hỗ trợ người bán dâm tái hoà nhập cộng đồng.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác cai nghiện phục hồi, phòng, chống mại dâm; nâng cao hiệu quả công tác cai

nghiện tại Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội và cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

Phối hợp và lồng ghép các chương trình kinh tế - xã hội như: xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm để hỗ trợ tái hoà nhập cộng đồng cho người nghiện sau cai, người bán dâm hoàn lương.

Phối hợp với các sở, ngành thành viên Ban chỉ đạo tỉnh tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành tiến hành kiểm tra công tác phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm tại các huyện, thị xã, thành phố.

Xét, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng triển khai thực hiện các nội dung của Dự án Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy giai đoạn 2011 – 2015 thuộc chức năng nhiệm vụ của ngành Công an. Thực hiện thống kê, phân tích tình hình công tác phòng, chống ma túy, xây dựng và quản lý trung tâm dữ liệu về tệ nạn ma túy.

Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Y tế tiến hành tổng điều tra khảo sát, phân loại người nghiện ma túy, chỉ đạo việc lập hồ sơ và tổ chức đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh của tỉnh.

Hàng năm, tùy tình hình diễn biến của tệ nạn ma túy, mại dâm trên địa bàn tỉnh và thực hiện chỉ đạo của Bộ Công an, chủ động tham mưu cho Ban chỉ đạo tỉnh, xây dựng Kế hoạch, mở các đợt cao điểm đấu tranh, trấn áp tội phạm ma túy, tệ nạn xã hội, góp phần làm giảm tội phạm, giảm phức tạp trên địa bàn toàn tỉnh.

Phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân thành phố và Tòa án nhân dân thành phố đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, đảm bảo đúng pháp luật, đặc biệt là các vụ án lớn, gây bức xúc trong dư luận, trong đó, chọn các vụ án điển hình để tổ chức đưa ra xét xử lưu động trên địa bàn dân cư nhằm răn đe tội phạm.

Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, nhằm huy động sức mạnh của hệ thống chính trị vào công tác phòng, chống ma túy theo từng năm.

3. Sở Y tế: Thực hiện tốt vai trò, chức năng của cơ quan thường trực về lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS. Chủ trì hướng dẫn tổ chức thực hiện, theo dõi và giám sát việc triển khai thực nhiệm vụ, giải pháp, các chỉ tiêu về công tác phòng, chống HIV/AIDS (đề ra tại Đề án này), triển khai, chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ban chỉ đạo các cấp cơ sở, các cơ sở y tế trực thuộc, tổ chức thực hiện.

Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng, Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, đôn đốc các ngành, đoàn thể (thành viên) và Ban

chỉ đạo các cấp cơ sở, các cơ sở y tế trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện các Nghị định, Thông tư, Quyết định, Nghị quyết, Kế hoạch liên tịch; Liên ngành của Trung ương về phòng, chống HIV/AIDS.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực y, dược. Thường xuyên phối hợp với các ngành chức năng, tăng cường kiểm tra các cơ sở kinh doanh, sản xuất, quản lý, phân phối thuốc tân dược gây nghiện, tiền chất. Phát hiện và xử lý nghiêm các cơ sở có hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 80/2001/NĐ-CP ngày 5/11/2001 của Chính phủ về “kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy ở trong nước”.

Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và xã hội tổ chức tập huấn phác đồ cắt cơn nghiện cho đội ngũ cán bộ y tế cấp xã, cấp thuốc hỗ trợ cho các đối tượng cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng.

4. Sở Kế hoạch – Đầu tư, Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với Công an tỉnh, Sở Y tế, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cân đối, phân bổ kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia phòng, chống ma túy; Chương trình phòng, chống HIV/AIDS; Chương trình phòng, chống mại dâm và một phần kinh phí từ ngân sách tỉnh cho các ban, ngành, đoàn thể, các địa phương để thực hiện có hiệu quả Đề án, theo mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án; tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận các chương trình, dự án phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm do Quốc tế hỗ trợ.

Kiểm tra, giám sát việc sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

5. Bộ đội Biên phòng và Cục Hải Quan Thanh Hóa: Tăng cường công tác thông tin, truyền thông các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm cho cán bộ, chiến sĩ của ngành.

Chủ động phối hợp với lực lượng Công an, Cảnh sát Biên, Ban dân tộc, tập trung đấu tranh, ngăn chặn, bắt giữ, truy quét tội phạm và tệ nạn ma túy trên tuyến biên giới Thanh Hoá - Hòa Phố, ngăn chặn có hiệu quả nguồn ma túy thâm lậu vào nội địa.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban dân tộc: Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án, xây dựng kế hoạch cụ thể chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động phòng, chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS trong cơ quan, đơn vị trực thuộc; ngoài ra, phối hợp với các ban ngành, tổ chức xã hội và chính quyền các huyện, xã biên giới thực hiện công tác xóa bỏ và phát triển thay thế cây thuốc phiện, cây có chứa chất ma túy khác, gắn công tác này với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở vùng miền núi, dân tộc.

7. Sở Công thương: Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án, xây dựng kế hoạch cụ thể chỉ đạo các đơn vị cơ sở trực thuộc triển khai các hoạt động phòng, chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS trong cơ quan, đơn vị

trực thuộc. Ngoài ra, thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị cơ sở trực thuộc phối hợp với các lực lượng chức năng, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý kịp thời các cơ sở kinh doanh, sản xuất, nhập trái phép các loại hóa chất có liên quan đến tiền chất ma túy.

8. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân các cấp: phối hợp chặt chẽ với cơ quan điều tra cùng cấp, tăng cường công tác truy tố, xét xử các vụ án phạm tội về ma túy, mại dâm; đẩy mạnh việc đưa các vụ án ma túy ra xét xử lưu động tại xã, phường, thị trấn để tuyên truyền, răn đe phòng ngừa chung.

9. Các ngành Tư pháp, Thông tin - Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chỉ đạo các đơn vị cơ sở trực thuộc, triển khai các hoạt động phòng, chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS trong cơ quan, đơn vị trực thuộc (bao gồm tuyên truyền phổ biến pháp luật, xét nghiệm phát hiện người nghiện, người nhiễm HIV/AIDS), ngoài ra, chỉ đạo các đơn vị cơ sở trực thuộc phối hợp với các cơ quan báo, đài, tổ chức các hoạt động tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng chống tệ nạn ma túy lồng ghép với các chuyên đề khác.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, thực hiện chuyên đề “*phòng, chống ma túy trong trường học*”. Chỉ đạo các trường học, các cơ sở giáo dục trực thuộc quán triệt triển khai thực hiện phối hợp với các ngành chức năng, chính quyền cơ sở triển khai thực hiện Thông tư số 31/TT-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo về “Công tác phòng, chống ma túy trong nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân” trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá và tổ chức các hoạt động phòng chống HIV/AIDS, phòng, chống tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên trong các trường học, cơ sở giáo dục trực thuộc sở.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh: Chỉ đạo, hệ thống Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức thành viên, phối hợp với chính quyền cùng cấp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân ở khu dân cư tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy, vận động và giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện, quản lý sau cai, tư vấn dạy nghề, hướng nghiệp giúp người nghiện ma túy ổn định cuộc sống, gắn với thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”. Tiếp tục thực hiện và nhân rộng các mô hình “gia đình”, “dòng họ”, “khu dân cư”, “tổ dân phố”, “khu phố”, “xóm”, “thôn, làng, xã”, văn hóa “không có tệ nạn ma túy”.

12. Đề nghị Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh tỉnh: Chỉ đạo các tổ chức cơ sở hội triển khai thực hiện phong trào “*phòng, chống ma túy, HIV/AIDS, tệ nạn xã hội từ gia đình*”. Trước hết, chỉ đạo hội viên, các tổ chức cơ sở hội phối hợp với lực lượng công an, các đoàn thể khác tham gia tích cực trong việc phát hiện, tố giác và đấu tranh tội phạm ma túy, mại dâm.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng chống ma túy mại dâm, phòng, chống HIV/AIDS.

Tham gia tích cực trong việc vận động, giúp đỡ người nghiện ma túy tự giác điều trị nghiện.

13. Đề nghị Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Chỉ đạo hệ thống Đoàn các cấp, nhất là cấp cơ sở, triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch số 03/2010/NQLT của Bộ Công an và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về “*phối hợp hành động phòng, chống ma túy trong thanh thiếu niên*” giai đoạn 2011-2015.

Tổ chức các mô hình Câu lạc bộ sinh hoạt cho người sau cai nghiện ma túy, người bán dâm hoàn lương, Thanh thiếu niên nhiễm HIV/AIDS. Chú trọng giới thiệu, cung cấp các dịch vụ giải trí, sinh hoạt lành mạnh phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của thanh thiếu niên, vận động thanh thiếu niên thực hiện lối sống lành mạnh tránh xa ma túy, mại dâm, thực hiện các hành vi an toàn phòng tránh lây nhiễm HIV/AIDS.

14. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh: Phối hợp chỉ đạo hệ thống Liên đoàn Lao động các huyện, thị xã, thành phố, Tổ chức Công đoàn của các sở, ngành, cơ quan, doanh nghiệp, khu công nghiệp trực thuộc, tham mưu cho thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp tổ chức các hoạt động phòng chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS cho cán bộ, công nhân viên chức và người lao động tham gia.

Vận động các doanh nghiệp tích cực tham gia và hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm do cán bộ, công chức, viên chức, công nhân và người lao động tổ chức. Hình thành các Câu lạc bộ phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống ma túy, mại dâm, các mô hình công nhân giáo dục trong các nhà máy, xí nghiệp v.v...

15. Các sở, ban, ngành, đoàn thể khác: Trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình được quy định trong các văn bản pháp luật về phòng chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án, xây dựng kế hoạch cụ thể của ngành, đoàn thể mình, chỉ đạo các đơn vị cơ sở trực thuộc triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS hàng năm.

16. Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa: Chỉ đạo đội ngũ phóng viên, cộng tác viên tăng cường xuống cơ sở viết bài, làm phim, mở chuyên mục, tăng thời lượng đăng, phát sóng tuyên truyền trên báo đài, nhất là tuyên truyền bằng hình ảnh cảnh báo về hiểm họa, tác hại của tệ nạn ma túy, mại dâm và dịch HIV/AIDS đối với cá nhân, gia đình, xã hội v.v. Các mô hình, điển hình tiến tiến có cách làm sáng tạo, hiệu quả..

17. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong Đề án, xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án của địa phương, đảm bảo hiệu quả của Đề án.

Chủ động bố trí kinh phí, nhân lực, vật lực cho công tác phòng, chống ma túy, mại dâm và phòng chống HIV/AIDS.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Đề án này các sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra.

2. Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Công an tỉnh, Sở Y tế tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án, Thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án. Định kỳ 6 tháng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án và báo cáo đột xuất khi có tình hình mới phát sinh và theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Wang Văn Việt

KINH PHÌ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY VÀ CẢI NGHIỆN PHỤC HỒI
 (Kèm theo Quyết định số: 2642 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2013 của
 Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DỰ TOÁN CHO 1 NĂM THỰC HIỆN LÀ: 25.400.100.000 đồng

I. CHI CHO TUYÊN TRUYỀN PCMT: 1.417.100.000 đồng

1. Tài liệu tuyên truyền.

-Luật phòng chống ma túy và tội phạm ma túy

(100 ngành + 637 xã + 27 huyện) x 10 bộ = 7640 bộ x 30.000 đ/bộ =
 229.200.000 đ

-Tài liệu tuyên truyền tác hại ma túy, cách phòng chống ma túy.

(Mỗi đơn vị cấp 25 cuốn/năm): 764 đơn vị x 25 cuốn x 15.000 đ/cuốn =
 286.500.000 đ

2. Tuyên truyền bằng tranh, ảnh, panô

- Tranh cổ động: (Mỗi đơn vị bình quân 1 năm 10 tờ):

764 đơn vị x 10 tờ/đơn vị x 10.000 đ/tờ = 76.400.000 đ

- Pa nô tuyên truyền ở các cụm dân cư trọng điểm về ma túy:

15 panô x 15.000.000 đ = 225.000.000 đ

**3. Viết tin, bài, phóng sự tuyên truyền về công tác phòng chống ma túy
 trên báo đài, các phương tiện thông tin đại chúng: 600.000.000 đ**

Hàng năm khoảng độ 1000 tin, bài, 24 phóng sự:

- 24 phim phóng sự x 15.000.000 đ = 360.000.000 đ

- 240.000 đồng/ tin,bài x 1000 tin, bài = 240.000.000 đồng

**II. CHI CHO CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
 KHÔNG CÓ TỆ NẠN MA TÚY: 4.520.000.000 đồng**

Gồm:

1. Kiểm tra phát hiện, vận động nhân dân triệt xóa, không trồng, tái trồng cây
 thuốc phiện (5 huyện biên giới):

200.000.000 đ/ huyện x 5 huyện = 1.000.000.000 đ

2. Hợp dân các thôn trọng điểm để tuyên truyền về công tác PCMT (tiền chè
 nước): 1.000 thôn x 12 buổi x 150.000 đ/buổi = 1.800.000.000 đ

3. Ban chỉ đạo các ngành, huyện, thị, thành phố chỉ đạo, triển khai, kiểm tra,
 hướng dẫn công tác xây dựng xã, phường thị trấn không tệ nạn ma túy:

(16 ngành thành viên BCD + 27 huyện, thị thành phố = 43 đơn vị)

40.000.000 đ/ đơn vị x 43 đơn vị = 1.720.000.000 đ

III. HỖ TRỢ ĐẤU TRANH VỚI TỘI HẠM MA TÚY: 6.475.000.000 đồng

1. Kinh phí điều tra, xử lý các vụ án ma túy.

(Bồi dưỡng cán bộ, chiến sỹ làm ngoài giờ, xăng xe, hợp án...)

800 vụ/năm x 5.000.000 đ/vụ = 4.000.000.000 đ

2. Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo điểm triển khai các biện pháp giải quyết các điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy:

100 điểm x 10.000.000 đ/điểm = 1.000.000.000 đ

4. Chi hỗ trợ điều tra, truy tố xét xử các vụ án ma túy trọng điểm phức tạp:

- Hỗ trợ truy tố 150 vụ án ma túy/năm:

2.000.000 đ/vụ x 150 vụ = 300.000.000 đ

- Hỗ trợ xét xử 100 vụ án ma túy/năm:

3.000.000đ/vụ x 150 vụ = 450.000.000 đ

5. Phối hợp với CA tỉnh Hòa Phố đấu tranh ngăn chặn các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy qua biên giới: 725.000.000 đ

- Hội nghị giao ban hai tỉnh Hòa Phố- Thanh Hóa: 100.000.000 đ

- Hội nghị giao ban cấp huyện: 5 huyện x 4 quý x 10.000.000 đ: 200.000.000 đ

- Bồi dưỡng, hỗ trợ xăng xe cho CSCS PCMT hai tỉnh Hòa Phố- Thanh hóa phối hợp điều tra khảo sát đối tượng mua bán, vận chuyển ma túy, xóa tụ điểm ma túy trên tuyến biên giới :

5 tổ x 10 người x 40 ngày x 100.000 đ = 200.000.000 đ

(Sáu tháng một lần kiểm tra khảo sát, mỗi lần 20 ngày).

- Tập huấn cho cán bộ PCMT của Hòa Phố: 25 cán bộ x 15 ngày x 300.000 đ tiền ăn x 300.000 đ tiền ngủ = 225.000.000 đ

IV. CÔNG TÁC CẢI NGHIỆM MA TÚY, QUẢN LÝ SAU CẢI NGHIỆM MA TÚY: 12.400.000.000 đồng

1. Tổng điều tra, khảo sát người nghiện ma túy và đối tượng liên quan đến ma túy (mỗi năm 1 lần)

40 đơn vị x 20.000.000 đ = 800.000.000 đ

2. Hướng dẫn, tập huấn cho Tổ công tác cai nghiện và nhân viên công tác xã hội xã, phường, thị trấn:

20 lớp/ năm x 25.000.000 đ/lớp = 500.000.000 đ

3. Tổ chức cai nghiện cắt cơn cho đối tượng ở Trại Tạm CA tỉnh

(Bình quân mỗi năm 300 lượt đối tượng vào): 300.000.000 đ

- Tiền thuốc + Xét nghiệm + Tiền ăn trong thời gian cắt cơn :

500.000 đ/ x 300 ĐT =

150.000.000 đ

- Bồi dưỡng cho cán bộ tham gia điều trị cắt con, quản lý đối tượng:

10 người x 100.000 đ/ người/ ngày x 15 ngày = 150.000.000 đ

4. Chi hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, dạy nghề, phục hồi chức năng cho người nghiện: 600.000.000 đ (tại các Trung tâm GD-LĐXH của Tỉnh).

5. Chi hỗ trợ tiền ăn cho người nghiện ma túy cai nghiện tại TTGDLDXH tỉnh:

450.000 đồng/ĐT/tháng x 12 tháng x 1000 ĐT = 5.000.000.000 đ

6. Tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng: 1.250.000.000 đ

(Mỗi năm cai khoảng 500 người nghiện):

- Tiền thuốc + Xét nghiệm + Tiền ăn cắt con:

1.000.000 đ/ĐT x 500 ĐT = 500.000.000 đ

- Bồi dưỡng cho cán bộ tham gia điều trị cắt con, quản lý đối tượng:

3 người x 50.000 đ/ người/ ngày x 10 ngày x 500 ĐT = 750.000.000 đ

7. Hỗ trợ lập hồ sơ đưa đối tượng vào TT GDLDXH:

1000 ĐT x 500.000 đ/ĐT = 500.000.000 đ

8. Hỗ trợ dạy nghề cho đối tượng sau cai nghiện:

500 ĐT x 1.000.000 = 500.000.000đ

9. Hỗ trợ tìm việc làm cho người sau cai nghiện:

500 ĐT x 1.000.000 = 500.000.000đ

10. Xây dựng mô hình cai nghiện tại cộng đồng:

10 mô hình x 50.000.000/MH = 500.000.000đ

11. Xây dựng mô hình quản lý sau cai cai nghiện:

10 mô hình x 50.000.000/MH = 500.000.000đ

12. Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác cai nghiện của 27 huyện, thị xã, thành phố và 637 xã, phường, thị trấn.

15 lớp x 30.000.000/lớp = 450.000.000đ

13. Kiểm tra, giám sát, quản lý người nghiện tại cộng đồng:

(Khoảng 5000 người nghiện): 500.000.000 đ

14. Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện 500.000.000 đ

B. HỖ TRỢ MỘT LẦN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG NÂNG CẤP TRẠM Y TẾ PHỤC VỤ CHO ĐIỀU TRỊ NGHIỆN VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY: (450 trạm xá xã, phường, thị trấn).

450 x 50.000.000đ/1 trạm xá = 22.500.000.000đ

C. BAN CHỈ ĐẠO KIỂM TRA, GIÁM SÁT, SƠ KẾT, TỔNG KẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN: 300.000.000 đồng

- | | |
|--|---------------|
| 1. Các Hội nghị sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án: | 100.000.000 đ |
| 2. Xăng xe, công tác phí đi kiểm tra các đơn vị thực hiện Đề án: | 100.000.000 đ |
| 3. Khen thưởng: | 50.000.000 đ |
| 4. Văn phòng phẩm: | 50.000.000 đ |

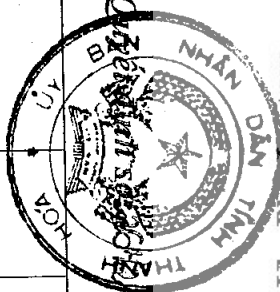
Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2013 – 2020 là: 225.700.800.000 đồng
(Hai trăm hai lăm tỷ, bảy trăm triệu, tám trăm ngàn đồng)

Trong đó:

Nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống ma túy do Trung ương cấp 96.000.000.000 đồng.

Nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương: 129.700.800.000 đồng

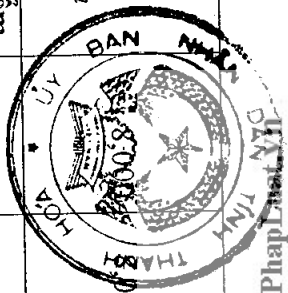
(Kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa).



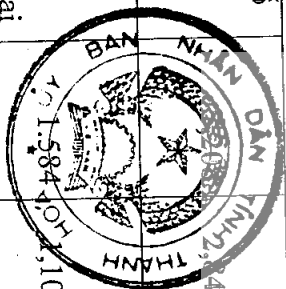
KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG MẠI DÂM

Kinh phí hoạt động cho từng năm (Triệu đồng)

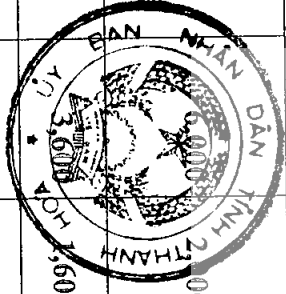
Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí (Triệu đồng)	Ngân sách địa phương tự cân đối	Đề nghị TW hỗ trợ	Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015			Giai đoạn 2016-2020		
				Tổng kinh phí	Ngân sách địa phương tự cân đối	Đề nghị TW hỗ trợ	Tổng kinh phí	Ngân sách địa phương tự cân đối	Đề nghị TW hỗ trợ	Tổng kinh phí	Ngân sách địa phương tự cân đối	Đề nghị TW hỗ trợ	Tổng kinh phí	Ngân sách địa phương tự cân đối	
Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục	13,600	13,600	0	1,700	1,700	0	1,700	1,700	0	1,700	1,700	0	8,500	8,500	0
Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ PCTNXH cấp huyện và xã	2,400	2,400	0	300	300	0	300	300	0	300	300	0	1,500	1,500	0
Xây dựng các Panô, khẩu hiệu, tranh cổ động, tờ rơi về phòng chống mại dâm tại các địa bàn phức tạp	2,400	2,400	0	300	300	0	300	300	0	300	300	0	1,500	1,500	0
Xây dựng các phòng sự, chuyên mục tuyên truyền PC mại dâm trên Đài PT-TH tỉnh (Mức 25 triệu./phòng sự/quý)	800	800	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	500	500	0



Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền cho một số Ban, ngành, cấp tỉnh và các huyện (Mức 25 triệu/đơn vị, 40 đơn vị/năm)	8,000	8,000	0	1,000	1,000	0	1,000	1,000	0	1,000	1,000	0	1,000	1,000	0	5,000	5,000	0
Tăng cường công tác kiểm tra, triệt phá ở nhóm hoạt động mại dâm	8,000	8,000	0	1,000	1,000	0	1,000	1,000	0	1,000	1,000	0	1,000	1,000	0	5,000	5,000	0
Khảo sát, điều tra nắm bắt tình hình mại dâm nhằm đánh giá đúng thực trạng để có phương hướng giải quyết	3,200	3,200	0	400	400	0	400	400	0	400	400	0	400	400	0	2,000	2,000	0
Hỗ trợ kinh phí đấu tranh triệt phá ở nhóm mại dâm cho một số cơ quan, đơn vị và địa phương	4,000	4,000	0	500	500	0	500	500	0	500	500	0	500	500	0	2,500	2,500	0
Hỗ trợ kinh phí cho công tác thanh tra, kiểm tra chấn chỉnh hoạt động của các cơ sở KDDV có nguy cơ cao	800	800	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	500	500	0
Hỗ trợ dạy nghề, tạo việc cho người mại dâm hoà nhập cộng đồng	1,200	560	640	150	70	80	150	70	80	150	70	80	150	70	80	750	350	400
Chi cho công tác hỗ trợ dạy nghề cho người MD tái hoà nhập cộng đồng (Mức 1.000.000/người/lần)	400	160	240	50	20	30	50	20	30	50	20	30	50	20	30	250	100	150
Chi hỗ trợ vốn tạo việc làm cho người mại dâm tái hoà nhập cộng đồng (Mức 1.000.000/người/lần)	800	400	400	100	50	50	100	50	50	100	50	50	100	50	50	500	250	250

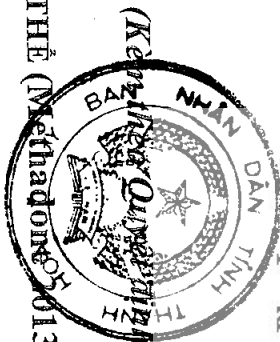


Xây dựng các mô hình hỗ trợ giúp đỡ người bán dâm tái hòa nhập cộng đồng	48	2.360	576	356	220	576	356	220	576	356	220	576	356	220	3.180	1.780	1.400
Hoạt động tư vấn tâm lý, pháp lý, kỹ năng sống và phòng chống STD, HIV/AIDS trong nhóm mại dâm	104	480	198	138	60	198	138	60	198	138	60	198	138	60	990	690	300
Mua sắm trang thiết bị Văn phòng tư vấn ... (Định mức 100 triệu đồng)	300	0	300	0	0	150	0	0	0	0	0	0	0	0	150		150
Tiền công cho tư vấn viên VP (Mức 04 người x 2.500.000đ/người/tháng)	960	960	0	120	120	120	120	0	120	120	0	120	120	0	600	600	
Chi thường xuyên cho hoạt động VP (Định mức 1,5 triệu đồng/tháng)	144	144	0	18	18	18	18	0	18	18	0	18	18	0	90	90	
Chi thuê địa điểm đặt Văn phòng tư vấn (Định mức 05 triệu đồng/tháng)	480	0	480	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	300		300
XD mô hình các CLB trợ giúp người bán dâm tái hòa nhập cộng đồng.	720	320	400	90	40	50	90	40	50	90	40	50	90	40	450	200	250
Hỗ trợ trang thiết bị thành lập 30 CLB (Mức 10 triệu đồng/01CLB)	300	0	300	0	0	150	0	150	0	150	0	150	0	150		0	150
Duy trì sinh hoạt định kỳ của các CLB (Mức 500.000 đồng/CLB/tháng)	720	320	400	90	40	50	90	40	50	90	40	50	90	40	450	200	250



XD, và duy trì 50 XP Thị điểm mô hình không có MĐ (Mức 25 triệu/ năm/XP và 15 triệu/năm/XP cho DT)	00	4,000	750	250	500	750	250	500	750	250	500	750	250	500	750	250	500	3,750	1,250	2,500	
Nâng cao năng lực và đánh giá, giám sát	1,600	2,000	450	200	250	450	200	250	450	200	250	450	200	250	450	200	250	2,250	0	2,250	
Xây dựng cơ sở dữ liệu về công tác PC mại dân mại đám, hệ thống chi tiêu thống kê, chế độ báo cáo định kỳ	2,000	0	2,000	250	0	250	250	0	250	250	0	250	250	0	250	250	0	1,250	0	1,250	
Tổ chức các cuộc hội thảo, sơ kết, tổng kết chia sẻ kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả thực hiện công tác phòng, chống mại dân	800	800	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	500	0	500
Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện công tác phòng, chống mại dân ở cơ sở	800	800	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	500	500	0
Chi khác	800	800	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	500	500	0
Tổng cộng	38,408	29,408	9,000	(Ba tám tỷ, bốn trăm lẻ tám triệu đồng).																	

Ghi chú: Nguồn kinh phí trên (từ 2013 – 2015) đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch số 54 về Thực hiện Chương trình Hành động phòng, chống mại dân gian đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa



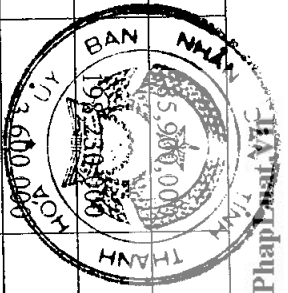
KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS
(Kế hoạch Quản lý Thị trấn số: 26/H2 /QĐ-UB ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phụ lục số 3

I. KINH PHÍ TỔNG THỂ (Methadone 2013 đến 2020)

TT	Nội dung	Chi phí/cơ sở/năm																
		CSDT (2 năm đầu)	CSDT (từ năm 3 đến năm 4)	CSDT (từ năm 5 đến năm 6)	CSDT (từ năm 7 đến năm 8)	CSCPT (2 năm đầu)	CSCPT (từ năm 3 đến năm 4)	CSCPT (từ năm 5 đến năm 6)	CSCPT (từ năm 7 đến năm 8)									
A	Chi phí ban đầu	553,600,000																
1	Phí sửa chữa, trang bị CSVC cho cơ sở mới	300,000,000	0	0	0	0	0	0	0	200,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phí mua sắm trang thiết bị cho cơ sở mới	300,000,000	0	0	0	0	0	0	0	150,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Đào tạo ban đầu	50,000,000	0	0	0	0	0	0	0	30,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Phí duy tu, bảo dưỡng	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000
5	Phí khấu hao tài sản	30,000,000	27,000,000	21,870,000	19,683,000	19,683,000	19,683,000	19,683,000	15,000,000	13,500,000	13,500,000	13,500,000	13,500,000	13,500,000	13,500,000	13,500,000	13,500,000	13,500,000
B	Chi phí vận hành	864,136,065	859,003,960	907,398,855	960,094,750	960,094,750	960,094,750	960,094,750	316,206,890	327,792,100	338,352,310	349,937,520	349,937,520	349,937,520	349,937,520	349,937,520	349,937,520	349,937,520
4	Lương cho cán bộ	367,680,600	409,550,400	449,782,200	493,290,000	493,290,000	493,290,000	493,290,000	85,503,600	95,004,000	104,504,400	114,004,800	114,004,800	114,004,800	114,004,800	114,004,800	114,004,800	114,004,800
5	Phụ cấp ngày lễ, tết	27,576,045	30,716,280	33,856,515	36,996,750	36,996,750	36,996,750	36,996,750	6,412,770	7,125,300	7,837,830	8,550,360	8,550,360	8,550,360	8,550,360	8,550,360	8,550,360	8,550,360
6	Phụ cấp ngày thứ 7, chủ nhật	53,109,420	59,157,280	65,205,140	71,253,000	71,253,000	71,253,000	71,253,000	12,350,520	13,722,800	15,095,080	16,467,360	16,467,360	16,467,360	16,467,360	16,467,360	16,467,360	16,467,360
7	Hỗ trợ họp ban xét chọn bệnh nhân	5,040,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

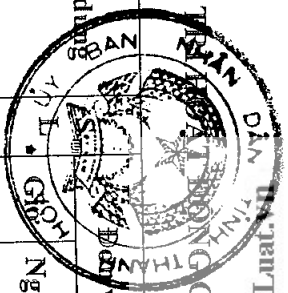
35



8	Xét nghiệm định kỳ cho bệnh nhân	62,950,000	61,925,000	61,925,000	39,410,000	39,410,000	38,385,000	38,385,000	
9	Mua vật tư tiêu hao	170,030,000	170,030,000	170,030,000	103,230,000	103,230,000	103,230,000	103,230,000	
10	Hộp và giao ban hàng quý, tháng	3,600,000	3,600,000	3,600,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	
11	Chi phí văn phòng	123,000,000	123,000,000	123,000,000	67,500,000	67,500,000	67,500,000	67,500,000	
C	Thuốc	1,018,276,500	1,113,684,150	1,210,091,800	1,306,499,450	522,038,250	571,242,075	620,445,900	669,649,725
9	Phí mua thuốc (Giá định trượt giá 10%/năm)	984,076,500	1,082,484,150	1,180,891,800	1,279,299,450	492,038,250	541,242,075	590,445,900	639,649,725
10	Phí vận chuyển thuốc cho các cơ sở	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000
11	Phí tiêu hủy vỏ chai	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000
12	Công tác phí giám sát 2 GSV tình tham gia giám sát 2 tháng/lần)	15,000,000	12,000,000	10,000,000	8,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000
D	Chi phí khác	30,000,000	20,000,000	15,000,000	10,000,000	154,000,000	154,000,000	154,000,000	154,000,000
13	Đào tạo bổ sung và nâng cao	30,000,000	20,000,000	15,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000
	Tổng cộng	2,466,012,565	1,992,688,110	2,132,490,655	2,227,659,420	1,342,245,140	1,403,034,175	1,462,798,210	1,523,587,245

Ghi chú: Chi phí vận hành hàng năm không bao gồm kinh phí xây mới, sửa chữa ban đầu, mua vật tư trang thiết bị và đào tạo cho Cơ sở điều trị và Cơ sở cấp phát thuốc:

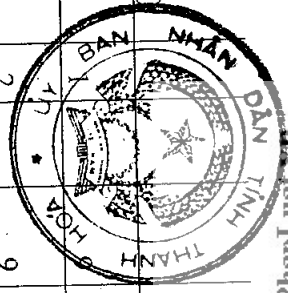
- Từ 2013 đến 2015:
 - Cơ sở điều trị: 859 triệu đồng/năm
 - Cơ sở cấp phát thuốc: 328 triệu đồng/năm
- Từ 2016 đến 2020 (Bao gồm mua thuốc methadone):
 - Cơ sở điều trị: 1,98 tỷ đồng/năm
 - Cơ sở cấp phát thuốc: 900 triệu đồng/năm



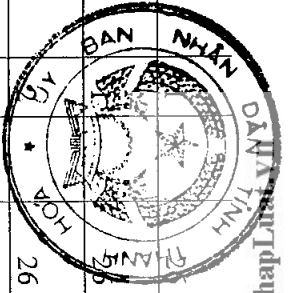
II. KINH PHÍ DUY TRÌ CÁC DỊCH VỤ Y TẾ VÀ CHĂM SÓC SỞ ĐIỀU TRỊ METHADONE (250 bệnh nhân (tính bắt đầu đưa vào hoạt động năm 2013- 2020)

T	Hoạt động/mỗi đợt chi tiết	Đơn vị tính	Tháng	Định mức VND (Năm thứ 1)	Định mức VND (Năm thứ 2)	Định mức VND (Năm thứ 3)	Định mức VND (Năm thứ 4)	Thành tiền VND (Năm thứ 1)	Thành tiền VND (Năm thứ 2)	Thành tiền VND (Năm thứ 3)	Thành tiền VND (Năm thứ 4)
1	Lương cho các cán bộ 100% thời gian										
	Bác sĩ (Hệ số lương khởi điểm 2,34; 70% đặc thù)	1	12	4,176,900	4,765,950	5,355,000	5,944,050	50,122,800	57,191,400	64,260,000	71,328,600
	Dược sĩ trung học (Hệ số lương khởi điểm 1,86; 30% đặc thù)	2	12	2,538,900	2,811,900	3,084,900	3,357,900	60,933,600	67,485,600	74,037,600	80,589,600
	Tư vấn viên (Hệ số lương khởi điểm 1,86; 30% đặc thù)	1	12	2,538,900	2,811,900	2,948,400	3,357,900	30,466,800	33,742,800	35,380,800	40,294,800
	Cán bộ xét nghiệm (Hệ số lương khởi điểm 1,86; 70% đặc thù)	1	12	3,320,100	3,677,100	4,034,100	4,391,100	39,841,200	44,125,200	48,409,200	52,693,200
	Điều dưỡng viên (Hệ số lương khởi điểm 1,86; 70% đặc thù)	2	12	3,320,100	3,677,100	4,034,100	4,391,100	79,682,400	88,250,400	96,818,400	105,386,400
	Nhân viên hành chính (Hệ số lương khởi điểm 1,86; 30% đặc thù)	1	12	2,538,900	2,811,900	3,084,900	3,357,900	30,466,800	33,742,800	37,018,800	40,294,800
	Nhân viên vệ sinh (Hệ số lương khởi điểm 1,65 ; 30% đặc thù)	1	12	2,252,250	2,497,950	2,743,650	2,989,350	27,027,000	29,975,400	32,923,800	35,872,200
	Bảo vệ (Hệ số lương khởi điểm 1,50 ; 30% đặc thù)	2	12	2,047,500	2,293,200	2,538,900	2,784,600	49,140,000	55,036,800	60,933,600	66,830,400
	Tổng 1	11						367,680,600	409,550,400	449,782,200	493,290,000

38



2	Phụ cấp ngày lễ, tết cho các cán bộ (ngày thực lễ tết 300% lương)																				
	Bác sỹ điều trị		417,690	476,595	535,500	594,405	3,759,210	4,289,355	4,819,500	5,349,645											
	Dược sỹ trung học	2	253,890	281,190	308,490	335,790	4,570,020	5,061,420	5,552,820	6,044,220											
	Tư vấn viên	1	253,890	281,190	308,490	335,790	2,285,010	2,530,710	2,776,410	3,022,110											
	Cán bộ xét nghiệm	1	332,010	367,710	403,410	439,110	2,988,090	3,309,390	3,630,690	3,951,990											
	Điều dưỡng viên	2	332,010	367,710	403,410	439,110	5,976,180	6,618,780	7,261,380	7,903,980											
	Cán bộ hành chính	1	253,890	281,190	308,490	335,790	2,285,010	2,530,710	2,776,410	3,022,110											
	Nhân viên vệ sinh	1	225,225	249,795	274,365	298,935	2,027,025	2,248,155	2,469,285	2,690,415											
	Bảo vệ	2	204,750	229,320	253,890	278,460	3,685,500	4,127,760	4,570,020	5,012,280											
	Tổng 2						27,576,045	30,716,280	33,856,515	36,996,750											
	3	Thực ngày thứ 7, CN (chỉ làm việc 1/2 ngày) (200% lương)																			
		Bác sỹ điều trị	1	278,460	317,730	357,000	396,270	7,239,960	8,260,980	9,282,000	10,303,020										
		Dược sỹ trung học	2	169,260	187,460	205,660	223,860	8,801,520	9,747,920	10,694,320	11,640,720										
Tư vấn viên		1	169,260	187,460	205,660	223,860	4,400,760	4,873,960	5,347,160	5,820,360											
Cán bộ xét nghiệm		1	221,340	245,140	268,940	292,740	5,754,840	6,373,640	6,992,440	7,611,240											
Điều dưỡng viên	2	221,340	245,140	268,940	292,740	11,509,680	12,747,280	13,984,880	15,222,480												

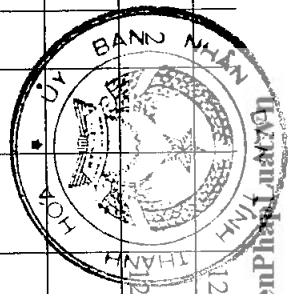


Cán bộ hành chính				169,260	187,460	205,660	223,860	4,400,760	4,873,960	5,347,160	5,820,360
Nhân viên vệ sinh				150,150	166,530	182,910	199,290	3,903,900	4,329,780	4,755,660	5,181,540
Bảo vệ				136,500	152,880	169,260	185,640	7,098,000	7,949,760	8,801,520	9,653,280
Tổng 3								53,109,420	59,157,280	65,205,140	71,253,000
Hỗ trợ hợp ban xét chọn bệnh nhân	7		12	60,000	-	-	-	5,040,000.0	-	-	-
Tổng 4								5,040,000.0	-	-	-
Xét nghiệm định kỳ cho bệnh nhân											
Công thức máu	27		1	60,000	60,000	60,000	60,000	16,500,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000
Test nhanh HIV	27		1	60,000	60,000	60,000	60,000	16,500,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000
Xét nghiệm HbsAg	27		1	60,000	60,000	60,000	60,000	16,500,000	16,500,000	16,500,000	16,500,000
Xét nghiệm HCV	27		1	60,000	60,000	60,000	60,000	16,500,000	16,500,000	16,500,000	16,500,000
Chức năng gan AST	27		1	25,000	25,000	25,000	25,000	6,875,000	3,437,500	3,437,500	3,437,500
Chức năng gan SLT	27		1	25,000	25,000	25,000	25,000	6,875,000	3,437,500	3,437,500	3,437,500
Các xét siêu âm, điện tim, x quang.....								6,150,000	4,100,000	3,075,000	3,075,000
Tổng 5								85,900,000	62,950,000	61,925,000	61,925,000
Mua sắm vật tư tiêu hao (tính htr hao 10%)											
Cốc uống thuốc (mỗi bệnh nhân ngày/1 cốc, giá 1000 đ/cốc)	27			1,000	1,000	1,000	1,000	100,375,000	100,375,000	100,375,000	100,375,000
	5										
				365							



Cốc lấy nước tiêu (4 lần/người bệnh/năm)	27	5	4	10,250	10,250	10,250	10,250	10,250	10,250	11,275,000	11,275,000	11,275,000	11,275,000
Test tìm Morphine nước tiêu (để khởi liệu và kiểm tra định kỳ 1 tháng/1 lần)	15	00		20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	30,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000
Test tìm Benzodiazepin nước tiêu (để khởi liệu)	40	0		20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	8,200,000	-	-	-
Bình nước 25 lít cho bệnh nhân pha thuốc uống(01 bình/ngày)	2		365	41,000	41,000	41,000	41,000	41,000	41,000	29,930,000	29,930,000	29,930,000	29,930,000
Thuốc cấp cứu				2,050,000	2,050,000	2,050,000	2,050,000	2,050,000	2,050,000	2,050,000	2,050,000	2,050,000	2,050,000
Mua bông, băng, cồn, gạc.....										4,100,000	4,100,000	4,100,000	4,100,000
Mua đồng phục cho nhân viên/năm (quần áo blue cho nhân viên y tế; quần áo, giày cho bảo vệ)	12			1,025,000	1,025,000	1,025,000	1,025,000	1,025,000	1,025,000	12,300,000	12,300,000	12,300,000	12,300,000
Tổng 6										198,230,000	170,030,000	170,030,000	170,030,000
Hộp và giao ban hàng quý, tháng													
Hỗ trợ chế nước hợp giao ban, hội chuẩn	20		6	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	3,600,000	3,600,000	3,600,000	3,600,000
Tổng 7										3,600,000	3,600,000	3,600,000	3,600,000
7													
Chi phí văn phòng													
In ấn biểu mẫu sổ, báo cáo, thẻ bệnh nhân,...				15,000,000	15,000,000	0	15,000,000	15,000,000	15,000,000	15,000,000	15,000,000	15,000,000	15,000,000
Cước phí dt, internet, vpp			12	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000
Dịch vụ (điện nước, vệ													

sinh)	12	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000
Thuê người trông giữ xe cho bệnh nhân	12	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	84,000,000	84,000,000	84,000,000	84,000,000
Tổng 8						123,000,000	123,000,000	123,000,000	123,000,000
Tổng						864,136,065	859,003,960	907,398,855	960,094,750

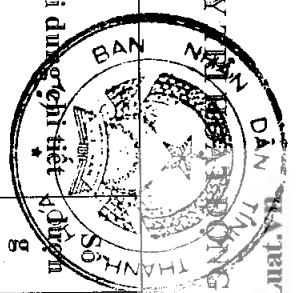


Ghi chú:

Theo Nghị định số: 204/2004/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang
 và Nghị định số: 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của
 Nghị định Số: 204/2004/NĐ-CP
 Thông tư số: 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài Chính qui định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập
 Thông tư số 03/2006/TTLT-BTC-BL ĐTB&XH ngày 26/01/2006 liên tịch Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội

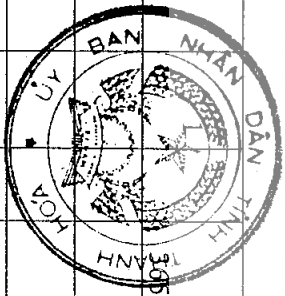
41

III. KINH PHÍ DUY TIỀN VÀ CHI TIẾT CÁC DỊCH VỤ Y TẾ (150 bệnh nhân tính bắt đầu đưa vào hoạt động năm 2013 đến 2020)



TT	Hoạt động/nội dung chi tiết	Đơn vị tính	Định mức VND (Năm thứ1)	Định mức VND (Năm thứ2)	Định mức VND (Năm thứ3)	Định mức VND (Năm thứ 4)	Thành tiền VND (Năm thứ1)	Thành tiền VND (Năm thứ2)	Thành tiền VND (Năm thứ3)	Thành tiền VND (Năm thứ4)
1	Lương cho các cán bộ 100% thời gian									
	Dược sĩ trung học (Hệ số lương khởi điểm 1,86 ; 30% đặc thù)	2	2,538,900	2,811,900	3,084,900	3,357,900	60,933,600	67,485,600	74,037,600	80,589,600
	Bảo vệ (Hệ số lương khởi điểm 1,50; 30% đặc thù)	1	2,047,500	2,293,200	2,538,900	2,784,600	24,570,000	27,518,400	30,466,800	33,415,200
	Tổng 1	3					85,503,600	95,004,000	104,504,400	114,004,800
2	Phụ cấp ngày lễ, tết cho các cán bộ (ngày trực lễ tết 300% lương)									
	Dược sĩ trung học	2	253,890	281,190	308,490	335,790	4,570,020.	5,061,420	5,552,820	6,044,220
	Bảo vệ	1	204,750	229,320	253,890	278,460	1,842,750.	2,063,880	2,285,010	2,506,140
	Tổng 2						6,412,770	7,125,300	7,837,830	8,550,360
3	Trực ngày thứ 7, CN (chỉ làm việc 1/2 ngày) (200% lương)									
	Dược sĩ trung học	2	169,260	187,460	205,660	223,860	8,801,520	9,747,920	10,694,320	11,640,720
	Bảo vệ	1	136,500	152,880	169,260	185,640	3,549,000	3,974,880	4,400,760	4,826,640
	Tổng 3									

42



Bình nước 25 lít cho bệnh nhân pha thuốc uống(01 bình/ngày)				41,000	41,000	41,000	41,000	41,000	41,000	14,965,000	14,965,000	14,965,000	14,965,000
Thuốc cấp cứu				2,050,000	2,050,000	2,050,000	2,050,000	2,050,000	2,050,000	2,050,000	2,050,000	2,050,000	2,050,000
Mua băng, băng, cùn, gạc										4,100,000	4,100,000	4,100,000	4,100,000
Mua đồng phục cho nhân viên/năm (quần áo blue cho nhân viên y tế; quần áo, giày cho bảo vệ)	5			1,025,000	1,025,000	1,025,000	1,025,000	1,025,000	1,025,000	5,125,000	5,125,000	5,125,000	5,125,000
Tổng 6										104,730,000	103,230,000	103,230,000	103,230,000
6 Hộp và giao ban hàng quý, tháng													
Hỗ trợ chế nước hợp giao ban, hội chuẩn	10			30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000
Tổng 7										1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000
7 Chi phí văn phòng													
In ấn biểu mẫu số, báo cáo, thẻ bệnh nhân,...				7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000
Cước phí dt, internet, vpp				500,000	500,000	500,000	500,000	500,000	500,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000
Dịch vụ (điện nước, vệ sinh)				12	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000	12,000,000
Thuê người trông giữ xe cho bệnh nhân	1			12	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	42,000,000	42,000,000	42,000,000	42,000,000
Tổng 8										67,500,000	67,500,000	67,500,000	67,500,000
Tổng										332,296,890	327,792,100	338,352,310	349,937,520

Ghi chú:

Theo Nghị định Số: 204/2004/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

và Nghị định Số: 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của

Handwritten signature